

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ KON TUM  
TỈNH KON TUM**

Bản án số: 118/2021/HS-ST

Ngày 20 - 9 - 2021

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ KON TUM - TỈNH KON TUM**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Vũ Thị Hồng Dung.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Đặng Văn Vũ và bà Nguyễn Thị Sương.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Vũ Thị Hà Anh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum tham gia phiên tòa:***  
Bà Đỗ Thị Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 125/2021/TLST-HS ngày 31 tháng 8 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 130/2021/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 9 năm 2021 đối với bị cáo:

**Đinh Minh T** (tên gọi khác: Không), sinh ngày 05 tháng 4 năm 1996 tại Kon Tum; Nơi cư trú: Số N, đường P, phường T, thành phố K, tỉnh Kon Tum; Nghề nghiệp: Làm ván ép; Trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đinh Khắc H (Đã chết) và bà Phạm Thị Hồng N, sinh năm 1972; Bị cáo chưa có vợ. Tiền án, tiền sự: Không. Bị bắt tạm giam từ ngày 17/6/2021 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

***- Bị hại:*** Anh Trần Q, sinh năm 1994 (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Số N B, tổ M, phường L, thành phố K, tỉnh Kon Tum.

***- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1/ Ông Văn Đình Đ, sinh năm 1965 (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Thôn L, xã I, thành phố K, tỉnh Kon Tum.

2/ Anh Phạm Đặng C, sinh năm 1991 (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Thôn P, xã V, thành phố K, tỉnh Kon Tum.

***- Người làm chứng:*** Anh Phạm Bá T1, sinh năm 1990 (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Tổ S, phường L, thành phố K, tỉnh Kon Tum.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ ngày 05/5/2021, Đinh Minh T (sinh ngày 05/4/1996, HKTT: Số N, đường P, phường T, thành phố K, tỉnh Kon Tum) hỏi mượn chiếc xe mô tô BKS 82B1-709.57 của Trần Q (sinh năm 1994, trú tại: Số N B, tổ M, phường L, thành phố K) để hôm sau đi công việc, Q đồng ý. Đến khoảng 07 giờ ngày 06/5/2021, Q điều khiển xe mô tô BKS 82B1-709.57 chở T đến trước cổng Xí nghiệp may ở Tổ P, phường L, thành phố K, Q xuống xe đi vào làm việc, T điều khiển xe đi đón bạn mình là Nguyễn Viết H (sinh năm: 1996, trú tại: L Đ, thành phố K) đi làm căn cước công dân. Khoảng 16 giờ cùng ngày, khi T điều khiển xe chở H đi ngang qua khách sạn H trên đường B, thành phố K thì gặp Nguyễn Công D (sinh năm: 1990, trú tại: hẻm H L, phường Ti, thành phố K) đang đứng bên đường với bạn, nhìn thấy T, D chặn xe lại và yêu cầu T trả mình số tiền 7.000.000 đồng T nợ D trước đó. Do không có tiền trả nợ D nên T nảy sinh ý định mang chiếc xe mô tô mượn của Q đi cầm cố, T nói với D để mình mang xe đi cầm cố lấy tiền trả D (T không nói xe mượn của Q). Do T nói không biết chỗ cầm cố xe nên D bảo bạn mình (chưa xác định nhân thân, lai lịch) đi theo T chỉ chỗ cầm cố. T điều khiển xe mô tô BKS 82B1-709.57 chở theo người thanh niên bạn D, người này chỉ đường cho T đến quán bia tươi của Phạm Bá T1 (sinh năm: 1990, trú tại: tổ R, phường L, thành phố K, tỉnh Kon Tum) ở đối diện khu công nghiệp H, phường L, thành phố K. Tới nơi, T đi vào quán gặp T1 hỏi cầm cố xe nhưng T1 không nhận, T1 gọi điện cho Phạm Đăng C (sinh năm: 1991, trú tại: Thôn P, xã V, thành phố ) báo có người muốn vay tiền, thế chấp xe có giấy tờ, C đồng ý đến xem xe. Khoảng 15 phút sau C, T nói với C xe của người nhà mình, có giấy tờ, T hỏi vay C 8.000.000 đồng và để chiếc xe BKS 82B1-709.57 lại làm tin, C đồng ý, viết giấy vay tiền và đưa cho T 8.000.000 đồng. Sau đó, T cùng người thanh niên bạn D đi taxi về gặp D, T trả cho D 7.000.000 đồng rồi đi lên nhà bạn trên huyện Đ ở, không liên lạc với Q, T tiêu xài hết số tiền còn lại. Khoảng một tuần sau, T quay lại gặp Q và nói dối chiếc xe mô tô BKS 82B1-709.57 bị Công an huyện S tạm giữ do vi phạm giao thông, sau đó T tiếp tục bỏ đi. Đến ngày 14/5/2021, do hết tiền tiêu xài, T đến gặp C vay thêm 500.000 đồng và hẹn nếu một tuần sau không quay lại lấy xe thì C có quyền bán xe. Đến ngày 18/5/2021, T đến gặp Q và thừa nhận đã cầm cố xe của Q lấy tiền tiêu xài cá nhân. Ngày 19/5/2021, Q làm đơn tố giác hành vi của T đến Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố K.

Tại Kết luận định giá số 31/KL-HĐ ngày 26/5/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự - UBND thành phố K kết luận: Tổng giá trị của chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Blade, màu sơn đen-đỏ, BKS 82B1-709.57 tại thời điểm bị chiếm đoạt là **16.138.000** đồng (Mười sáu triệu một trăm ba mươi tám ngàn đồng).

Về vật chứng: Cơ quan CSĐT đã thu giữ 01 (một) xe mô tô Honda Blade, màu đen-đỏ, BKS 82B1-709.57; 01 (một) chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy của xe 82B1-709.57 và xác định chiếc xe mô tô BKS 82B1-709.57 thuộc sở hữu của anh Trần Q. Vào năm 2019, anh Q đưa tiền nhờ ông Văn Đình Đ là bố dượng đứng tên mua giúp anh chiếc xe này. Do đó, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại xe mô tô cùng với giấy chứng nhận xe cho anh Trần Q.

Cáo trạng số 128/CT-VKSTPKT ngày 31/8/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố K truy tố bị cáo Đinh Minh T về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố K trình bày lời luận tội, giữ nguyên quyết định truy tố như bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 175, điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Đinh Minh T từ 09 đến 12 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Về xử lý vật chứng đã xử lý theo thẩm quyền nên không đề cập đến nữa; về trách nhiệm dân sự không ai yêu cầu giải quyết vấn đề gì nên không xem xét giải quyết.

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu giải quyết về vấn đề dân sự. Bị hại xin giảm trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan CSĐT Công an thành phố K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Qua phần xét hỏi công khai tại phiên tòa hôm nay bị cáo Đinh Minh Tkhai nhận: Vào ngày 06/5/2021, sau khi mượn chiếc xe mô tô BKS 82B1-709.57 của anh Trần Q để đi làm căn cước xong nhưng do cần tiền để trả nợ và tiêu xài cá nhân nên Đinh Minh T đã mang xe của anh Q đi cầm cố lấy tổng số tiền 8.500.000 đồng. Tại thời điểm bị chiếm đoạt, chiếc xe mô tô BKS 82B1-709.57 định giá có giá trị là 16.138.000 đồng (*Mười sáu triệu một trăm ba mươi tám ngàn đồng*).

[3] Xét, lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa là hoàn toàn phù hợp với các chứng cứ như biên bản lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và biên bản thu giữ vật chứng, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, hành vi phạm tội của bị cáo Đinh

Minh T đã bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố K truy tố về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[4] Khi thực hiện hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản bị cáo là người đã đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi cố ý, bị cáo đã lợi dụng lòng tin của chủ sở hữu tài sản để mượn tài sản sử dụng nhưng sau khi sử dụng xong thì không trả mà rồi dùng thủ đoạn gian dối cầm cố lấy tiền trả nợ và tiêu xài, không liên lạc với bị hại, bỏ trốn. Giá trị tài sản chiếm đoạt là 16.138.000 đồng thuộc trường hợp “*trị giá từ 4.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng*” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự. Hành vi đó của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Sau khi đem cầm cố xe nhưng bị cáo không hồi hận mà gặp chủ sở hữu tài sản nói dối xe bị tạm giữ tiếp tục gặp người cầm cố để vay thêm tiền tiêu xài, khi không có khả năng chuộc lại xe trả cho chủ sở hữu bị cáo mới đến gặp bị hại thú nhận hành vi vi phạm pháp luật của bản thân thể hiện việc bất chấp pháp luật của bị cáo nên cần phải xử phạt bị cáo một mức án nghiêm khắc mà bị cáo gây lên. Cần thiết phải cách y bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian đủ để giáo dục, cải tạo bị cáo thành người công dân sống lương thiện, biết tôn trọng pháp luật.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, bị cáo không phải chịu tình tiết nào. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, quy định tại các điểm s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử sẽ áp dụng các tình tiết giảm nhẹ mà bị cáo được hưởng, giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà cải tạo thành người công dân sống có ích cho xã hội.

[6] Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo, vì bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định.

[7] Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, Cơ quan Điều tra Công an thành phố K đã xử lý vật chứng theo thẩm quyền nên không đề cập đến nữa.

[8] Đối với anh C là người đã cầm cố chiếc xe mà bị cáo chiếm đoạt nhưng không biết đó là xe phạm tội mà có nên Cơ quan CSĐT Công an TP.K không xử lý đối với anh C là đúng, không đề cập đến nữa.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Anh Phạm Đăng C, anh Trần Q, ông Văn Đình Đ không yêu cầu giải quyết gì về vấn đề dân sự nên không xem xét giải quyết.

[10] Về án phí Hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Tuyên bố bị cáo Đinh Minh T phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 175; khoản 1 Điều 38; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Đinh Minh T 09 (*Chín*) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 17/6/2021.

- Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Đinh Minh T phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự, trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án (20/9/2021) bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân Tỉnh Kon Tum để xin xét xử phúc thẩm. Trường hợp vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tối cao;
- Vụ 1 TANDTC;
- TAND cấp cao Đà Nẵng;
- TAND Tỉnh Kon Tum;
- VKSND TP K;
- VKSND Tỉnh Kon Tum;
- Cơ quan điều tra TP K;
- Cơ quan thi hành án hình sự;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP K;
- Người bị hại;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
(Đã ký)

***Vũ Thị Hồng Dung***